Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Nhu cầu vốn (tỷ đồng)	
		2021 - 2025	2026 - 2030
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (giai đoạn 2)	2.225	
2	Đầu tư nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải từ phao số "0" vào khu bến cảng công ten nơ Cái Mép	1.416	
3	Đầu tư Khu bến cảng Liên Chiểu - Phần hạ tầng dùng chung	3.426	
4	Cải tạo, nâng cấp luồng hàng hải vào các bến cảng khu vực Nam Nghi Sơn, Thanh Hóa	733	
5	Đầu tư xây dựng tuyến luồng vào khu bến cảng Thọ Quang, Đà Nẵng	159	
6	Cải tạo, nâng cấp luồng Quy Nhơn cho tàu 50.000 DWT	694	
7	Thiết lập Đài vệ tinh Cospas Sarsat thế hệ mới MEOLUT	109	
8	Đầu tư xây dựng các đèn biển (Trường Sa Đông, Phan Vinh, Sậu Đông, Lạch Ghép, Lạch Quèn, Cửa Vạn, Hòn La, Tư Chính A, Bãi Dinh, Phúc Nguyên, Đá Lát, Mũi La Gan…)	334	
9	Đầu tư đê chắn sóng cảng Chân Mây - Giai đoạn 2	750	
10	Cải tạo, nâng cấp luồng hàng hải Hòn Gai - Cái Lân		200
11	Cải tạo, nâng cấp luồng Cửa Lò cho tàu 30.000 tấn đầy tải, 50.000 tấn giảm tải và nâng cấp xây dựng đê chắn sóng phía Bắc cảng Cửa Lò		1.018
12	Đầu tư xây dựng công trình đê chắn sóng cảng Vũng Áng, Hà Tĩnh (Giai đoạn 2)		426
13	Xây dựng Đài thông tin duyên hải, Trung tâm tìm kiếm cứu nạn hàng hải, Đại diện Cảng vụ hàng hải Nha Trang tại Trường Sa		117
14	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê chắn cát luồng Cửa Việt		407

TT	Tên dự án	Nhu cầu vốn (tỷ đồng)	
		2021 - 2025	2026 - 2030
15	Đầu tư xây dựng hệ thống đê chắn cát luồng Cửa Gianh		566
16	Đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng kênh Hà Nam, luồng Lạch Huyện - luồng hàng hải Hải Phòng	100	750
17	Cải tạo, nâng cấp luồng Ba Ngòi cho tàu 50.000 DWT		156
18	Cải tạo, nâng cấp luồng Đà Nẵng vào cảng Tiên Sa cho tàu 50.000 DWT		100
19	Cải tạo, nâng cấp luồng hàng hải Hòn La		68
20	Xây dựng đê chỉnh trị luồng hàng hải Diêm Điền		200
21	Đầu tư nạo vét luồng hàng hải qua cửa Trần Đề cho tàu biển 2.000 DWT (vàm Nhơn Mỹ đến cửa Trần Đề)		204
22	Nạo vét luồng vào các cảng khu vực Cẩm Phả và khu chuyển tải Hòn Nét		1.496
23	Cải tạo, nâng cấp luồng Sài Gòn - Vũng Tàu (phao GR đến Thiềng Liềng)		290
24	Cải tạo, nâng cấp luồng hàng hải sông Dừa		162
25	Đầu tư nạo vét tuyến luồng hàng hải sông Tiền cho tàu 5.000 DWT		300
26	Đầu tư nạo vét tuyến luồng và đê chắn sóng Nam Đồ Sơn		8.000
27	Hệ thống quản lý hành hải tàu biển (VTS) luồng Hòn Gai - Cái Lân		110
28	Hệ thống quản lý hành hải tàu biển (VTS) luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu		110
29	Các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng hàng hải khác theo Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050		

Ghi chú:

1. Các dự án giai đoạn 2021-2025 đang triển khai đầu tư.

2. Các dự án đầu tư giai đoạn 2026-2030 là dự kiến, trường hợp bố trí đư ợc vốn đầu tư thì Bộ Giao thông vận tải có thể đầu tư sớm hơn.

Phụ lục II

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN SỬ DỤNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư (tỷ đồng)	
		2021 - 2025	2026-2030
1	Bến cảng số 3, 4 thuộc Khu bến Lạch Huyện *	6.932	
2	Bến cảng số 5, 6 thuộc Khu bến Lạch Huyện *	8.340	611
3	Bến cảng số 7, 8 thuộc Khu bến Lạch Huyện*	12.792	
4	Khu bến Nam Đồ Sơn (giai đoạn khởi động)	15.000	
5	Khu bến cảng Liên Chiểu (giai đoạn khởi động)	6.483	
6	Khu bến cảng Trần Đề - Sóc Trăng (giai đoạn khởi động)	50.000	
7	Các bến tiếp theo Khu bến Lạch Huyện		15.000
8	Mở rộng Khu bến cảng Nghi Sơn - Thanh Hóa		7.600
9	Khu bến cảng và Logistics Cái Mép Hạ		23.000
10	Các bến cảng biển khác theo Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050		

Ghi chú:

1. (*) Là các dự án đang triển khai đầu tư.

2. Tiến độ đầu tư theo giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030 là dự kiến. Tùy theo tình hình tăng trưởng hàng hóa và năng lực của nhà đầu tư, Bộ Giao thông vận tải có thể điều chỉnh tiến độ đầu tư các bến cảng.

3. Dự kiến danh mục đầu tư tại bảng trên không bao gồm các bến cảng chuyên dùng (không khai thác thương mại, chỉ phục vụ nhu cầu thông qua hàng hóa của các nhà máy, được đầu tư theo nhu cầu phát triển của nhà máy).